

Gia Lai, ngày 19 tháng 11 năm 2020

## TỜ TRÌNH

### Về việc đề nghị phê duyệt Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2021

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XI, kỳ họp thứ 16.

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 29/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND ngày 09/11/2020 của HĐND tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Văn bản số 6842/BKHD-TT ngày 16/10/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc phân bổ Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2021;

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, kỳ họp thứ 16 xem xét quyết định kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2021 như sau:

#### I. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2021.

Việc bố trí vốn ngân sách nhà nước năm 2021 phải đảm bảo:

1. Thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-ĐH ngày 01/10/2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Gia Lai lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025; thực hiện các mục tiêu và các định hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021, phù hợp với quy hoạch của tỉnh; phù hợp với dự kiến kế hoạch tài chính 5 năm giai đoạn 2021-2025 và dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021- 2025. Gắn việc xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2021 với định hướng cơ cấu lại đầu tư công đến năm 2025.

2. Thực hiện theo các quy định của Luật Đầu tư công, Luật NSNN, các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công và Luật NSNN, Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công

trung hạn giai đoạn 2021-2025, Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2021.

3. Việc phân bổ vốn thực hiện theo đúng quy định tại Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 8 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND ngày 09/11/2020 của HĐND tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025.

4. Kế hoạch đầu tư năm 2021 được xây dựng trên cơ sở tiếp tục cơ cấu lại đầu tư nguồn NSNN theo hướng tập trung, khắc phục dàn trải, nâng cao hiệu quả đầu tư.

5. Việc phân bổ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2021 cho các dự án bao gồm:

- Bố trí vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định tại khoản 4 Điều 101 của Luật Đầu tư công (nếu có).

- Bố trí vốn để thu hồi số vốn ứng trước nguồn NSTW theo mức vốn thông báo tại Phụ lục số I kèm theo văn bản số 6842/BKHĐT-TH ngày 16/10/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Bố trí vốn để thanh toán khôi lượng hoàn thành của các dự án đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN giai đoạn 2016-2020 chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025.

- Bố trí đủ vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài theo tiến độ thực hiện dự án và theo các quyết định được phê duyệt.

- Bố trí đủ vốn NSNN năm 2021 cho các dự án hoàn thành trong năm 2021 để phát huy hiệu quả đầu tư; các dự án bố trí vốn quá thời gian quy định của giai đoạn 2016-2020 chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025 phải tập trung bố trí vốn hoàn thành trong năm 2021.

- Bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021 theo tiến độ đồng thời bảo đảm thời gian bố trí vốn của dự án theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 52 của Luật Đầu tư công (dự án nhóm A không quá 6 năm, nhóm B không quá 04 năm và nhóm C không quá 3 năm).

- Sau khi bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ nêu trên, mới bố trí vốn cho các dự án khởi công mới, trong đó ưu tiên bố trí các dự án khởi công mới đã có đủ thủ tục, được chuẩn bị đầu tư trong giai đoạn 2016-2020, dự án xây dựng chính quyền điện tử và đô thị thông minh, các dự án thuộc các lĩnh vực: giao thông có tính chất kết nối, có tác động liên vùng, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân, quốc phòng, an ninh, dự án cấp bách phòng, chống thiên tai, biến đổi khí hậu,...

- Đối với vốn nước ngoài, phân bổ vốn theo các nguyên tắc sau:

+ Các chương trình, dự án được bố trí kế hoạch đầu tư vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ năm 2021 theo thứ tự ưu tiên: dự án kết thúc Hiệp định trong năm 2021 không có khả năng gia hạn Hiệp định; dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong năm 2021; dự án mới đã ký Hiệp định; dự án chuẩn bị ký Hiệp định trong năm 2020 và có khả năng giải ngân trong năm 2021.

+ Bố trí kế hoạch đầu tư vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài cho các dự án bảo đảm theo tiến độ đã ký kết với nhà tài trợ, khả năng cân đối nguồn vốn đối ứng, tiến độ giải phóng mặt bằng theo quy định của Luật đất đai, năng lực của chủ đầu tư chương trình, dự án và tiến độ thực hiện dự án.

+ Đối với các dự án có cơ cấu hỗn hợp (bao gồm dự án thành phần ở trung ương do các bộ, cơ quan trung ương là cơ quan chủ quản quản lý, thực hiện và dự án thành phần ở địa phương do Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố là cơ quan chủ quản quản lý, thực hiện), cơ quan chủ quản dự án (bộ, cơ quan trung ương) phân khai nguồn vốn nước ngoài theo tiến độ; cơ quan chủ quản dự án thành phần/địa phương cân đối trong dự toán ngân sách địa phương năm 2021 phù hợp với khả năng giải ngân của dự án.

**II. Trên cơ sở các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ nêu trên và dự kiến phân bổ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2021 tại văn bản số 6842/BKHĐT-TH ngày 16/10/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh phân bổ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước năm 2021 là 3.313,937 tỷ đồng (chưa bao gồm vốn ngân sách trung ương cho các Chương trình mục tiêu quốc gia), cụ thể như sau:**

### **1. Vốn ngân sách địa phương: 2.229,41 tỷ đồng, cụ thể:**

1.1. Vốn trong cân đối theo tiêu chí: 827,31 tỷ đồng.

a) Vốn trong cân đối theo tiêu chí tỉnh đầu tư: 399,31 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn chuẩn bị đầu tư: 10,015 tỷ đồng.

- Vốn thực hiện dự án: 389,295 tỷ đồng; gồm:

+ Lĩnh vực quốc phòng: 17 tỷ đồng, bố trí cho 02 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2021.

+ Lĩnh vực khoa học công nghệ: 10 tỷ đồng bố trí cho 01 dự án khởi công mới năm 2021.

+ Lĩnh vực y tế: 1,5 tỷ đồng bố trí vốn đối ứng cho 1 dự án ODA khởi công mới năm 2021.

+ Lĩnh vực phát thanh, truyền hình, thông tấn: 29 tỷ đồng, bố trí cho 01 dự án khởi công mới năm 2021.

+ Lĩnh vực môi trường: 07 tỷ đồng, bố trí cho 01 dự án khởi công mới năm 2021.

+ Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi: 50,538 tỷ đồng; trong đó 25,871 tỷ đồng cho 01 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2021; 9,667 tỷ

đồng cho 02 dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021; 15 tỷ đồng bố trí vốn đối ứng cho các Chương trình MTQG.

+ Lĩnh vực giao thông: 135,177 tỷ đồng; trong đó bố trí 128,177 tỷ đồng cho 04 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2021; 7 tỷ đồng cho 01 dự án ODA chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021.

+ Lĩnh vực du lịch: 17 tỷ đồng cho 01 dự án khởi công mới năm 2021.

+ Lĩnh vực công nghệ thông tin: 50 tỷ đồng bố trí cho 02 dự án khởi công mới.

+ Lĩnh vực khu công nghiệp và khu kinh tế: 6,28 tỷ đồng thu hồi vốn ứng trước cho 01 dự án.

+ Lĩnh vực quy hoạch: 39,3 tỷ đồng cho 01 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2021.

+ Chi cho Ngân hàng chính sách (cho vay các đối tượng chính sách): 20 tỷ đồng.

+ Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước: 6,5 tỷ đồng bố trí cho 01 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2021.

b) Vốn cân đối ngân sách tinh phân cấp cho huyện, thị xã, thành phố đầu tư: 428 tỷ đồng.

1.2. Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: Tổng thu tiền sử dụng đất năm 2021 là 1.200 tỷ đồng.

Năm 2021 phần vốn 10% tiền đo đạc, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính của huyện, thị xã, thành phố nộp về tỉnh để đầu tư cho Dự án tổng thể xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu địa chính tỉnh Gia Lai; Năm 2021 vốn điều lệ quỹ phát triển đất đã đảm bảo nên không trích nộp 30% quỹ phát triển đất mà để lại cho đầu tư.

a) Tiền sử dụng đất của tỉnh: 550 tỷ đồng; trong đó:

- Chi công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 55 tỷ đồng.

- Điều tiết về các huyện, thị xã, thành phố đầu tư: 49,5 tỷ đồng (kinh phí điều tiết về các huyện, thị xã, thành phố căn cứ vào tình hình thực tế khi có phát sinh số thu tiền sử dụng đất của tỉnh).

- Tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư: 445,5 tỷ đồng, trong đó:

Vốn cần bị đầu tư: 34,589 tỷ đồng.

Thực hiện dự án: 410,911 tỷ đồng, cụ thể:

+ Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi: 144,411 tỷ đồng; trong đó bố trí 9,411 tỷ đồng cho 01 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2021; 100 tỷ đồng bố trí cho Chương trình kiên cố hoá hạ tầng giao thông và kênh mương trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025; 35 tỷ đồng bố trí vốn đối ứng cho các Chương trình MTQG.

+ Lĩnh vực giao thông: 200 tỷ đồng cho 17 dự án khởi công mới.

- + Lĩnh vực cấp nước, thoát nước: 32 tỷ đồng cho 01 dự án khởi công mới.
- + Lĩnh vực du lịch: 20 tỷ đồng cho 01 dự án khởi công mới.
- + Lĩnh vực quy hoạch: 4 tỷ đồng cho 02 dự án khởi công mới.
- + Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập: 10,5 tỷ đồng cho 02 dự án khởi công mới.

b) Tiền sử dụng đất huyện, thị xã, thành phố: 650 tỷ đồng.

1.3. Xổ số kiến thiết: 152 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn CBDT: 7 tỷ đồng.
- Thực hiện dự án: 145 tỷ đồng.

+ Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp: 42 tỷ đồng bố trí cho 03 dự án khởi công mới

+ Lĩnh vực y tế, dân số và gia đình: 58 tỷ đồng cho 02 dự án khởi công mới.

+ Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi: 45 tỷ đồng đối ứng cho CTMTQG nông thôn mới.

1.4. Bội chi ngân sách địa phương: 50,1 tỷ đồng.

(Chi tiết tại biểu số I kèm theo)

**2. Ngân sách trung ương:** 1.084,527 tỷ đồng (chưa bao gồm vốn NSTW cho các chương trình mục tiêu quốc gia).

2.1. Vốn trong nước: 864,591 tỷ đồng; trong đó:

- Lĩnh vực quốc phòng: 16 tỷ đồng; bố trí 01 dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2021.

- Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi: 162,06 tỷ đồng; trong đó thu hồi vốn ứng trước 35,826 tỷ đồng của 01 dự án; 86,234 tỷ đồng bố trí cho 01 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2021; 40 tỷ đồng cho 02 dự án khởi công mới năm 2021.

- Lĩnh vực giao thông: 670,42 tỷ đồng; trong đó bố trí 3 tỷ đồng vốn CBDT cho 01 dự án, 242,974 tỷ đồng bố trí cho 11 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2021; 204,446 tỷ đồng cho 02 dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2021; 220 tỷ đồng cho 5 dự án khởi công mới.

- Lĩnh vực khu công nghiệp, khu kinh tế: 16,111 tỷ đồng, bố trí cho 01 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2021.

(Chi tiết tại biểu số II kèm theo)

2.2. Vốn nước ngoài: 219,936 tỷ đồng

- Lĩnh vực nông nghiệp: 79 tỷ đồng, bố trí cho 03 dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2021.

- Lĩnh vực giao thông: 140,936 tỷ đồng, bố trí cho 01 dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2021.

(Chi tiết tại biểu số III kèm theo)

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, kỳ họp thứ 16  
xem xét, quyết định./. Vn

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT-UBND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- CVP và các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Tiến Đông

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2021.**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI  
KHÓA XI - KỲ HỌP THỨ MƯỜI SAU**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 29/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND ngày 09/11/2020 của HĐND tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Văn bản số 6842/BKHĐT-TH ngày 16/10/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc phân bổ Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2021;

Xem xét Tờ trình số ...../TTr-UBND, ngày ..... của UBND tỉnh về việc Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2021; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận, thống nhất của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp thứ ..... - HĐND tỉnh khóa XI.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2021 là 3.313,937 tỷ đồng, cụ thể như sau:

**1. Vốn ngân sách địa phương: 2.229,41 tỷ đồng, cụ thể:**

1.1. Vốn trong cân đối theo tiêu chí: 827,31 tỷ đồng.

a. Vốn trong cân đối theo tiêu chí tính đầu tư: 399,31 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn chuẩn bị đầu tư: 10,015 tỷ đồng.

- Vốn thực hiện dự án: 389,295 tỷ đồng; gồm:

- + Lĩnh vực quốc phòng: 17 tỷ đồng, bố trí cho 02 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2021.

- + Lĩnh vực khoa học công nghệ: 10 tỷ đồng bố trí cho 01 dự án khởi công mới năm 2021.

- + Lĩnh vực y tế: 1,5 tỷ đồng bố trí vốn đối ứng cho 1 dự án ODA khởi công mới năm 2021.

- + Lĩnh vực phát thanh, truyền hình, thông tấn: 29 tỷ đồng, bố trí cho 01 dự án khởi công mới năm 2021.

- + Lĩnh vực môi trường: 07 tỷ đồng, bố trí cho 01 dự án khởi công mới năm 2021.

- + Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi: 50,538 tỷ đồng; trong đó 25,871 tỷ đồng cho 01 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2021; 9,667 tỷ đồng cho 02 dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021; 15 tỷ đồng bố trí vốn đối ứng cho các Chương trình MTQG.

- + Lĩnh vực giao thông: 135,177 tỷ đồng; trong đó bố trí 128,177 tỷ đồng cho 04 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2021; 7 tỷ đồng cho 01 dự án ODA chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021.

- + Lĩnh vực du lịch: 17 tỷ đồng cho 01 dự án khởi công mới năm 2021.

- + Lĩnh vực công nghệ thông tin: 50 tỷ đồng bố trí cho 02 dự án khởi công mới.

- + Lĩnh vực khu công nghiệp và khu kinh tế: 6,28 tỷ đồng thu hồi vốn ứng trước cho 01 dự án.

- + Lĩnh vực quy hoạch: 39,3 tỷ đồng cho 01 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2021.

- + Chi cho Ngân hàng chính sách (cho vay các đối tượng chính sách): 20 tỷ đồng.

- + Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước: 6,5 tỷ đồng bố trí cho 01 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2021.

b. Vốn cân đối ngân sách tỉnh phân cấp cho huyện, thị xã, thành phố đầu tư: 428 tỷ đồng.

1.2. Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: Tổng thu tiền sử dụng đất năm 2021 là 1.200 tỷ đồng.

Năm 2021 phần vốn 10% tiền đo đạc, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính của huyện, thị xã, thành phố nộp về tỉnh để đầu tư cho Dự án tổng thể xây dựng hệ thống hồ sơ

địa chính và cơ sở dữ liệu địa chính tỉnh Gia Lai; Năm 2021 vốn điều lệ quỹ phát triển đất đã đảm bảo nên không trích nộp 30% quỹ phát triển đất mà để lại cho đầu tư.

a. Tiền sử dụng đất của tỉnh: 550 tỷ đồng; trong đó:

- Chi công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 55 tỷ đồng.

- Điều tiết về các huyện, thị xã, thành phố đầu tư: 49,5 tỷ đồng (kinh phí điều tiết về các huyện, thị xã, thành phố căn cứ vào tình hình thực tế khi có phát sinh số thu tiền sử dụng đất của tỉnh).

- Tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư: 445,5 tỷ đồng, trong đó:

Vốn CBĐT: 34,589 tỷ đồng.

Thực hiện dự án: 410,911 tỷ đồng, cụ thể:

+ Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi: 144,411 tỷ đồng; trong đó bố trí 9,411 tỷ đồng cho 01 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2021; 100 tỷ đồng bố trí cho Chương trình kiên cố hoá hạ tầng giao thông và kênh mương trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025; 35 tỷ đồng bố trí vốn đối ứng cho các Chương trình MTQG.

+ Lĩnh vực giao thông: 200 tỷ đồng cho 17 dự án khởi công mới.

+ Lĩnh vực cấp nước, thoát nước: 32 tỷ đồng cho 01 dự án khởi công mới.

+ Lĩnh vực du lịch: 20 tỷ đồng cho 01 dự án khởi công mới.

+ Lĩnh vực quy hoạch: 4 tỷ đồng cho 02 dự án khởi công mới.

+ Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập: 10,5 tỷ đồng cho 02 dự án khởi công mới.

b. Tiền sử dụng đất huyện, thị xã, thành phố: 650 tỷ đồng.

1.3. Xây dựng cơ sở kiến thiết: 152 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn CBĐT: 7 tỷ đồng.

- Thực hiện dự án: 145 tỷ đồng.

+ Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp: 42 tỷ đồng bố trí cho 03 dự án khởi công mới

+ Lĩnh vực y tế, dân số và gia đình: 58 tỷ đồng cho 02 dự án khởi công mới.

+ Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi: 45 tỷ đồng đối ứng cho CTMTQG nông thôn mới.

1.4. Bội chi ngân sách địa phương: 50,1 tỷ đồng.

(Chi tiết tại biểu số I kèm theo)

**2. Ngân sách trung ương:** 1.084,527 tỷ đồng (chưa bao gồm vốn NSTW cho các chương trình mục tiêu quốc gia).

2.1. Vốn trong nước: 864,591 tỷ đồng; trong đó:

- Lĩnh vực quốc phòng: 16 tỷ đồng; bố trí 01 dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2021.

- Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi: 162,06 tỷ đồng; trong đó thu hồi vốn ứng trước 35,826 tỷ đồng của 01 dự án; 86,234 tỷ đồng bố trí cho 01 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2021; 40 tỷ đồng cho 02 dự án khởi công mới năm 2021.

- Lĩnh vực giao thông: 670,42 tỷ đồng; trong đó bố trí 3 tỷ đồng vốn CBĐT cho 01 dự án, 242,974 tỷ đồng bố trí cho 11 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2021; 204,446 tỷ đồng cho 02 dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2021; 220 tỷ đồng cho 5 dự án khởi công mới.

- Lĩnh vực khu công nghiệp, khu kinh tế: 16,111 tỷ đồng, bố trí cho 01 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2021.

(Chi tiết tại biểu số II kèm theo)

## 2.2. Vốn nước ngoài: 219,936 tỷ đồng

- Lĩnh vực nông nghiệp: 79 tỷ đồng, bố trí cho 03 dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2021.

- Lĩnh vực giao thông: 140,936 tỷ đồng, bố trí cho 01 dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2021.

(Chi tiết tại biểu số III kèm theo)

Đối với các chương trình, dự án chưa đủ điều kiện giao vốn do chưa đủ thủ tục đầu tư theo quy định, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện và chỉ bố trí vốn khi đảm bảo hồ sơ theo quy định.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khoá XI, Kỳ họp thứ Mười sáu thông qua ngày .... tháng .... năm 2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày .... tháng .... năm 2020./.

### Nơi nhận:

- UBTƯ Quốc hội; VPQH;
- Ban Công tác đại biểu;
- Thủ tướng CP; VPCP;
- Bộ Tài chính; Bộ KHĐT;
- TT Tỉnh ủy; VP Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh; UBMTTQVN tỉnh;
- VP. Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP. UBND tỉnh (đăng công báo);
- HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- CV Phòng Công tác HĐND;
- Lưu: VT-CTHĐ.

### CHỦ TỊCH

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2021 TW giao	Kế hoạch năm 2021 địa phương giao	Ghi chú
<b>TỔNG SỐ</b>		<b>3.101.937</b>	<b>3.313.937</b>	
<b>A Vốn ngân sách địa phương</b>		<b>2.017.410</b>	<b>2.229.410</b>	
a Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí		827.310	827.310	
- Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí tỉnh đầu tư			399.310	
- Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí huyện, thị xã, thành phố đầu tư			428.000	
b Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất		1.000.000	1.200.000	
- Tiền sử dụng đất tinh đầu tư			550.000	
- Tiền sử dụng đất huyện, thị xã, thành phố đầu tư			650.000	
c Xô số kiến thiết		140.000	152.000	
d Bội chi ngân sách địa phương (1)		50.100	50.100	
<b>B Vốn ngân sách trung ương</b>		<b>1.084.527</b>	<b>1.084.527</b>	
<b>I Vốn trong nước</b>		<b>864.591</b>	<b>864.591</b>	
<b>Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực</b>		<b>864.591</b>	<b>864.591</b>	
Trong đó:				
- Đầu tư các dự án kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững		3.000	3.000	
- Thu hồi các khoản ứng trước		35.826	35.826	
<b>II Vốn nước ngoài</b>		<b>219.936</b>	<b>219.936</b>	

Ghi chú: (1) Bội chi ngân sách địa phương dành cho các dự án cho vay lại (Sở Tài chính phối hợp với các đơn vị liên quan trình UBND tỉnh phân bổ vốn này).

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021 NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thi công kế dự kiến	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2020	Lũy kế vốn đã bồi thường đến hết KH năm 2020	Dự kiến KH đầu tư trong hạn giao đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2021		Đơn vị thực hiện	Ghi chú		
				TMBT dự kiến					Trong đó: NSDP		Trong đó: NSDP			
				Thời gian giao KCC-HT	Số quyết định ngày, tháng năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP (đã có các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
(1)	Các dự án khởi công mới năm 2021					90.107	3.859	-	-	90.107	3.859	-		
1	Vốn đầu tư Chương trình đầu tư phát triển mang lưới y tế cơ sở vùng khẩn	Gia Lai		HP1: Đầu tư xây dựng, cải tạo và nâng cấp CSHT, cung cấp trang thiết bị cho các TTY xã: 2019-2024	758/QĐ-TTg ngày 19/6/2019; 6689/QĐ-BYT ngày 02/11/2018; 3828/QĐ-BYT ngày 28/6/2019	90.107	3.859	90.107	3.859	1.500	1.500	Sở Y tế	Vốn đầu tư ODA	
IV	Phát thanh, truyền hình, thông tin					29.000	29.000	-	-	29.000	29.000	-		
(1)	Các dự án khởi công mới năm 2021					29.000	29.000	-	-	29.000	29.000	-		
1	Dầu tư mua xe truyền hình lưu động chính HD	Pleiku		Dầu tư lắp đặt camera, hệ thống thiết bị hình ảnh, âm thanh, hệ thống phân phối tín hiệu âm thanh và hình ảnh, bộ thu phát, tăng cường năng lực hệ thống y tế cơ sở nhằm đổi mới dịch vụ y tế	2021	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	Giao Sở TT&TT, Cao Đẳng Sư phạm, trường đại học theo đề BCBXCTĐT nghị của Đại PHHT tỉnh	Sở TT&TT trình báo cáo Đề xuất chủ trương đầu tư theo đề BCBXCTĐT nghị của Đại PHHT tỉnh	
V	Bảo vệ môi trường					7.000	7.000	-	-	7.000	7.000	-		
V.1	Môi trường					7.000	7.000	-	-	7.000	7.000	-		
(1)	Các dự án khởi công mới năm 2021					7.000	7.000	-	-	7.000	7.000	-		
1	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quan trắc môi trường tỉnh Gia Lai			Dầu tư xây dựng CSDL, kết nối dữ liệu quan trắc tài nguyên môi trường của tỉnh Gia Lai	2021	7.000	7.000	7.000	7.000	7.000	7.000	Giao Sở TNMT lập báo cáo đề xuất CDT	Giao Sở TNMT lập báo cáo đề xuất CDT	
VI	Các hoạt động kinh tế					1.705.577	802.759	416.160	246.419	686.993	317.541	730.229	417.530	6.280
VII	Nông nghiệp, lâm nghiệp,					526.894	175.639	163.679	42.058	364.862	90.210	85.440	46.441	-
VIII	Thay lời													

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế du kiêm KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2020	Lũy kế vốn đã bồi trí vốn đến hết KH năm 2020	Đề kiện KHI đầu tư trong hạn giải đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch năm 2021	Đơn vị thực hiện	Ghi chú						
				TNHT dự kiến													
				Tổng số Trong đó: NSDP (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số Trong đó: NSDP (tất cả các nguồn vốn)												
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2021																
1	Hệ thống thủy lợi bờ chia nước Plei Thor Ga, xã Chư Lai, huyện Chư Pah, tỉnh Gia Lai	Chư Pah	Hồ chứa nước dung tích 10,54 triệu m <sup>3</sup>	229.000	68.409	106.129	20.538	203.129	42.538	25.871	-						
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021																
1	Các dự án BV và phát triển nông	các huyện thị xã, thành phố	Báo cáo và phát triển vùng	2011-2020 và 2023	1067/QĐ-UBND ngày 29/11/2017; 1068/QĐ-UBND ngày 29/11/2017; 1072/QĐ-UBND ngày 29/11/2017; 109/QĐ-SKHDĐT ngày 20/10/2017; (853/QĐ-UBND ngày 13/12/2017) và 83/QĐ-SKHDĐT	105.042	30.459	9.100	6.100	61.483	13.422	11.560	11.560	5.667	5.667	Công ty TNHH MTV khai thác CCTL	
(3)	Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững tỉnh Gia Lai (VAST)	Gia Lai	Đầu tư CSHT kết nối để phát triển ngành cà phê bền vững	2015-2022	2470/QĐ-BNN- HTQT ngày 30/6/2020, 1992/QĐ-BNN- HTQT ngày 29/5/15; 4229/QĐ-BNN-KH ngày 26/10/15; 219/QĐ-UBND ngày 31/3/2016	192.852	76.771	48.450	15.450	100.250	34.250	48.069	9.010	19.000	4.000	Sở NN&PTNT Vốn đối ứng ODA	
	Các dự án khởi công mới													15.000	15.000		
(3)	năm 2021																

✓  
Minh 3

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế sơ kiến	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2020	Lũy kế vốn đã bố trí vốn đến hết KH năm 2020	Đề kiện KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021- 2025	Kế hoạch năm 2021		Đơn vị thực hiện	Ghi chú		
				TMDT dự kiến					Trong đó: NSDP					
				Thời gian	Số quyết định ngày, tháng năm ban hành	Tổng số (tất cả các người vốn)	Trong đó: NSDP (tất cả các người vốn)	Tổng số (tất cả các người vốn)	Trong đó: NSDP (tất cả các người vốn)	Tổng số (tất cả các người vốn)	Trong đó: NSDP (tất cả các người vốn)			
1	Vốn đối ứng các CTTMT QG					901.233	384.540	227.481	179.331	297.131	202.331	427.209	153.509	-
VL2	Giao thông					392.933	336.240	202.563	178.363	225.863	179.363	128.177	-	276.113
(1)	Các dự án áp kiểm hoàn thành năm 2021					392.933	336.240	202.563	178.363	225.863	179.363	128.177	-	135.177
1	Dương tính 662/B (tổ huyện Phú Thiện, xã huyện Pa)	Phú Thiện	L=23.428m, Bm=6,5m; Bm=5,5m mặt đường BTXH	2019- UBND ngày 31/10/2019	927/QĐ-UBND ngày 24/9/2019	148.000	148.000	74.354	74.354	74.854	74.354	58.146	58.146	BQL DA PTXD các CT giao thông
2	Dương Tân Đức, Thắng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai		Đoạn Km0+Km0+931 và Km1+591-Km2+850 L=2180m Bm=30m; Bm=21m Đoạn Km0+931-Km1+591: L=665m; bờ súng dài phần cách 3m và các hang mục phu	1034/QĐ- UBND ngày 31/10/2019	1034/QĐ- UBND ngày 31/10/2019	88.000	88.000	47.009	47.009	47.009	47.009	32.791	32.791	BQL DA PTXD các CT giao thông
3	Chinh trang đô thị xã Ayun Pa	Ayun Pa	Mô rộng quan trường, sân vận động, đường giao thông, hệ thống thoát nước	2019- UBND ngày 31/10/2019	1035/QĐ- UBND ngày 31/10/2019	50.000	50.000	20.000	20.000	21.000	21.000	24.000	24.000	UBND thi xã Ayun Pa
4	Hà Giang du lịch tỉnh Gia Lai	Pleiku, An Khê	Hà Giang khu du lịch Biển Hồ Xây dựng đường trục chính đến khu du lịch và đường trục chính trong khu du lịch 1km viên Biển Hồ gồm 3 tuyến với tổng chiều dài 5.296,81m. Hệ thống đường giao thông vào khu di tích lịch sử văn hóa Tây Sơn Thượng Đạo tỉnh Gia Lai gồm 4 tuyến đường với tổng chiều dài 2.479,81m.	2019- UBND ngày 31/10/2019, NO 169/NQ-HĐND ngày 10/7/2019,	1012/QĐ- UBND ngày 31/10/2019	50.240	61.000	37.000	83.000	37.000	13.240	13.240	13.240	BQL giao thông
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021					508.300	48.300	25.118	963	71.268	22.968	299.032	25.332	-
														147.936
														7.000

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế dự kiến	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2020	Lưu kế vốn đã bố trí vốn	Đề xuất KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2021							
				TMĐT du lịch					Trong đó: NSDP							
				Số quyết định Thời gian ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)							
1	Dự án hỗ trợ phát triển khu du lịch biển giáp vịnh ADB - tiêu dự án tỉnh Gia Lai	Pleiku, Chu Prông, Chư Pah,	Hợp phần 1: cải thiện kết nối đường bộ Hợp phần 2: Cải thiện cơ sở hạ tầng hâu cần và quản lý giao thông, kết nối Hợp phần 3: phát triển nguồn nhân lực, xây dựng năng lực thi ché	739/QĐ-TTg ngày 29/4/2016; 734/QĐ-UBND ngày 28/7/2016; 1039/QĐ- UBND ngày 15/10/2018	508.300	48.300	25.118	968	71.268	22.968	299.032	25.332	147.936	7.000	Sở KH&ĐT	Vốn đối ứng ODA
VII.3	Du lịch				17.000	17.000	-	-	17.000	17.000	-	17.000	17.000	-	-	
(1)	Các dự án khởi công mới				17.000	17.000	-	-	17.000	17.000	-	17.000	17.000	-	-	
1	Xây dựng cơ sở dữ liệu, công thông tin điện tử và ứng dụng du lịch thông minh phục vụ du khách trên thiết bị di động tích hợp, bao gồm: xây dựng, kết nối cơ sở dữ liệu ngành du lịch, hệ thống thông tin tiếp thị du lịch, bao gồm: các cơ sở du lịch, bến đỗ, các cơ sở vui chơi - du lịch - nhà hàng - khách sạn	Gia Lai		2021	17.000	17.000		17.000	17.000	17.000						
VII.4	Công nghệ thông tin				155.000	155.000	-	-	155.000	155.000	-	50.000	50.000	-	-	
(1)	Các dự án khởi công mới				155.000	155.000	-	-	155.000	155.000	-	50.000	50.000	-	-	
1	Xây dựng Chính quyền điện tử tiên tiến xây dựng Chính quyền số	Pleiku	Xây dựng Trung tâm Giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng, tần trung sinh Gia Lai (SOC); đầu tư, mở rộng các hệ thống thông tin phục vụ phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số, xây dựng các nền tảng đô thị thông minh.	2021-2024	140.000	140.000			140.000	140.000		35.000	35.000			Giao số TTTT lập báo cáo để xử lý CTTT

5

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XDC	Nâng lực thiêt kế khu kinh kinh KCI-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2020	Lũy kế vốn đã bố trí vẫn đến hết KH năm 2020	Đề kiểm KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021- 2025	Kế hoạch năm 2021	Đơn vị thực hiện	Ghi chú	
				TMBT du kien								
				Thời gian số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP (tất cả các nguồn vốn)	
2.	Triển khai thực hiện Đề án "Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030"	Pleiku	Xây dựng các cơ sở dữ liệu các dịch vụ đô thị thông minh	2021	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	Giao UBND thành phố Pleiku ủy ban cấp để xuất CTĐT
VI.5	Khu công nghiệp và khu kinh tế				41.150	6.280	-	-	6.280	6.280	6.280	
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2020				41.150	6.280	-	-	6.280	6.280	6.280	
1	Quốc lộ 19 và một số hạng mục hạ tầng kỹ thuật Khu kinh tế cùn khu kinh tế Lò Thanh, tỉnh Gia Lai	Đèc Cør	2016- 2020 ngày 15/8/2018	850/QĐ-LUBND ngày 15/8/2018	41.150	6.280	6.280	6.280	6.280	6.280	6.280	Bổ tri vốn để hoàn tung ngân sách tỉnh theo QĐ 686/QĐ- UBND ngày 29/7/2020 phê duyệt quyết toán dự án
VI.6	Quy hoạch				64.300	64.300	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	
(1)	Các dự án kiến hoán thành năm 2021				64.300	64.300	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	
1	Lập quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến 2050	Gia Lai	2020- 2021 ngày 14/7/2020	1015/QĐ-TTg ngày 14/7/2020	64.300	64.300	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	Sở KH&ĐT
VI.7	Cấp vốn đầu tư cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; cấp bù lùi nhà tín dụng ưu đãi, phí quản lý				-	-	-	-	-	20.000	20.000	
(1)	Các dự án khởi công mới năm 2021				-	-	-	-	-	20.000	20.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế dự kiến	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2020	Lũy kế vốn đã bồi trí vốn đến hết KH năm 2020	Dự kiến KHI đầu tư trung hạn giai đoạn 2021- 2025	Kế hoạch năm 2021		Đơn vị thực hiện	Ghi chú		
					TMĐT dự kiến					Trong đó: NSDP		Trong đó: NSDP			
					Số quyết định nghị, thông tỉnh ban hành	Tổng số (đã cấp các người vay)	Trong đó: NSDP (đã cấp các người vay)	Tổng số (đã cấp các người vay)	Trong đó: NSDP (đã cấp các người vay)	Tổng số (đã cấp các người vay)	Trong đó: NSDP (đã cấp các người vay)	Tổng số (đã cấp các người vay)			
	Chi cho Ngân hàng chính sách (cho vay các đối tượng chính sách)														
VII	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước					7.000	7.000	369	369	489	489	6.500	6.500		
(1)	Các dự án đã hoàn thành năm 2021					7.000	7.000	369	369	489	489	6.500	-		
I	Trụ sở thị trấn Nhơn Hòa, huyện Chu Pôh	Chu Pôh	Nhà cấp III; 3 tầng DTXD 280,6m <sup>2</sup> , DTTS 678,83m <sup>2</sup> , thiết bị, hụt tăng kỹ thuật và các hạng mục phụ	2020	203/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	7.000	7.000	389	389	489	489	6.500	6.500	UBND huyện Chu Pôh	
A.2	Vốn trong cần đầu theo tiêu chi huyễn, thị xã, thành phố quyết định đầu tư									2.140.000	2.140.000	428.000	428.000		
B	TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT									3.430.821	3.263.141	44.700	44.700		
B.I	Tiền sử dụng đất của tỉnh									3.430.821	3.263.141	44.700	44.700		
B.I.1	Chi công tác đeo dắt, đăng ký đất dài, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính									1.316.321	1.316.321	44.700	44.700		
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021														
I	Dự án tổng thể xây dựng bệ thông hô sơ địa chính cơ sở đữ liệu địa chính tỉnh Gia Lai	Các huyện, thị xã, thành phố	Đo đạc, lập bản đồ địa chính, đóng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hiệu nhà ở và tài sản khác gắn liên với đất; xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính	2018- 2022	45/QĐ-UBND ngày 01/10/2018	1.316.321	1.316.321	44.700	44.700	97.561	97.561	1.218.760	1.218.760		
B.I.2	Văn điện tiết kiệm năng lượng, thị xã, thành phố đầu tư											55.000	55.000	Sở TNMT	
												49.500	49.500		

7

7

Kinh phí điều tiết về  
các huyện, thị xã  
thanh toán, cần có vào  
thanh toán thuế và khi  
o phát sinh số thu  
nhiều sử dụng đất cũ  
tính,

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế dự kiến	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2020	Lũy kế về đã bù trù ván đến hết KH năm 2020	Dự kiến KH đầu tư trong hạn giao doanh 2021- đến 2025	Kế hoạch năm 2021		Đơn vị thực hiện	Ghi chú					
				TMDT dự kiến					Trong đó: NSDP								
				Thời gian	Số quyết định ngày tháng năm ban hành				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP							
B.1.3	Tiền sử dụng đất của tỉnh đầu tư					2.114.500	1.946.820	-	166.047	19.969	2.426.911	2.426.911					
	Chuyển bộ đầu tư										34.589	34.589					
	Trong đó																
1	Khu trục sở làm việc các cơ quan cấp tỉnh	Pleiku	Pleiku	Bao gồm tổ hợp các công trình văn hóa tiêu biểu như nhà hát; nhà hát, trung tâm triển lãm văn hóa nghệ thuật và Thư viên đồng hợp tình Gia Lai	2022- 2024	240.000	240.000	240.000	240.000	240.000	1.200	1.200	Giao Sở Văn hóa Thể Thao và Du lịch lập báo cáo để xử lý CDTT				
2						200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	1.000	1.000					
3	Vốn CDTT cho các dự án khác							32.389	32.389								
	Thực hiện dự án					2.114.500	1.946.820	-	166.047	19.969	2.426.911	2.426.911					
1	Các hoạt động kinh tế					2.104.000	1.936.320	-	166.047	19.969	2.416.411	2.416.411					
L.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi					197.000	29.320	-	166.047	19.969	509.411	509.411					
(1)	Các dự án duy kiên hoàn thành năm 2021					197.000	29.320	-	166.047	19.969	9.411	9.411					
1	Xây dựng bờ kè cửa nước Thủ Đầu 2 huyện Dak Po	2018-2020	Cụm công trình đê mặm, kè thông dòng, đập nước phục vụ sản xuất và công trình trên tuyến đê, công trình phụ trợ	2016- 2020 ngày 25/9/2018	986/QĐ-UBND	197.000	29.320	166.047	19.969	9.411	9.411	9.411	KH vốn năm 2019 kéo dài sang năm 2020 tiền sử dụng đất 12.076 tỷ đồng, điều chỉnh năm 9.411 tỷ đồng				
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2021									500.000	500.000	100.000	100.000				
1	Chương trình kiểm kê hoa hu tutting giao thông và kênh mương trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025	các huyện, thi xã, thành phố										UBND các huyện, thị xã, thành phố					

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế dự kiến KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2020	Lưu Kênh vốn đã bố trí vẫn đến hết KH năm 2020	Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021- 2025	Kế hoạch năm 2021	Đơn vị thực hiện	Ghi chú	
				TMDT du kién								
				Số quyết định năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP (tất cả các nguồn vốn)	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	
2	Vốn đối ứng các CTTMT QG									35.000	35.000	
1.2	Giao thông				1.830.000	1.830.000	-	-	1.830.000	1.830.000	200.000	200.000
(1)	Các dự án khởi công mới				1.830.000	1.830.000	-	-	1.830.000	1.830.000	200.000	200.000
1	Đường giao thông thành phố Pleiku	Pleiku			300.000	300.000			300.000	300.000	25.000	25.000
2	Đường giao thông thị xã An Khê	An Khê			120.000	120.000			120.000	120.000	15.000	15.000
3	Đường giao thông thị xã Ayun Pa	Ayun Pa			120.000	120.000			120.000	120.000	15.000	15.000
4	Đường giao thông thị xã Sé	Chư Sê			120.000	120.000			120.000	120.000	15.000	15.000
5	Đường giao thông huyện Chư Krong Pa	Krong Pa			90.000	90.000			90.000	90.000	10.000	10.000
6	Đường giao thông huyện Chư Prông	Chư Prông			90.000	90.000			90.000	90.000	10.000	10.000
7	Đường giao thông huyện Phù Thiên	Phù Thiện			90.000	90.000			90.000	90.000	10.000	10.000
8	Đường giao thông huyện Đak Dor	Đak Dor			90.000	90.000			90.000	90.000	10.000	10.000
9	Đường giao thông huyện Khang	Khang			90.000	90.000			90.000	90.000	10.000	10.000

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thi công dự kiến	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2020	Lũy kế vốn đã bố trí vốn đến hết KH năm 2020	Đề xuất KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021- 2025	Kế hoạch năm 2021	
				TMDT dự kiến					Trong đó: NSDP	
				Tổng số vốn (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số vốn (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số vốn (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	
10	Đường giao thông huyện Mang Yang	Mang Yang		90.000	90.000			90.000	90.000	Đơn vị thực hiện
11	Đường giao thông huyện Chu Pah	Chu Pah		90.000	90.000			90.000	90.000	Ghi chú
12	Đường giao thông huyện Dak Po	Dak Po		90.000	90.000			90.000	90.000	
13	Đường giao thông huyện Đức Cơ	Đức Cơ		90.000	90.000			90.000	90.000	
14	Đường giao thông huyện Ia Grat	Ia Grat		90.000	90.000			90.000	90.000	
15	Đường giao thông huyện Kông Chro	Kông Chro		90.000	90.000			90.000	90.000	
16	Đường giao thông huyện Ia Pa	Ia Pa		90.000	90.000			90.000	90.000	
17	Đường giao thông huyện Chu Pu	Chu Pu		90.000	90.000			90.000	90.000	
(I) Các dự án khởi công mới năm 2021				32.000	32.000	-	-	32.000	32.000	
Cải tạo, mở rộng hệ thống cấp nước khu kinh tế cùa khu quốc tế Lã Thành, tỉnh Gia Lai		Đức Cơ	Xây dựng trạm nước thô khai thác nước sông Sê San công sát 2300m3/ngày đêm (giai đoạn này chi lắp đặt thiết bị công suất 1600m3/ngày đêm); XD mới tuyến ống dẫn nước thẳng dài 9,2Km; trạm biến áp; bể điều nước sạch 600m3; các hang mìn phu tu	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000	Giao UBND khu kinh tế tỉnh lắp bão cáo cấp để xuất CTDT

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế dự kiến	Thời gian KKT-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2020	Lưu kế vốn đã bố trí vốn đến hết KH năm 2020	Đề xuất Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2021	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
					TMĐT dự kiến							
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP
1.4	Du lịch				40.000	40.000	-	-	40.000	40.000	-	-
(1)	Các dự án khởi công mới				40.000	40.000	-	-	40.000	40.000	-	-
1	Hà tầng di tích lịch sử Tây Sơn thương do	Gia Lai	Bảo tồn, tôn tạo di tích lịch sử Vườn mít - cùm đồng cỏ Hầu; đường vào khu di tích lịch sử Tây Sơn thương do (doan từ nến nhà và Hồ nước vào khe tiên ông Nhạc 2km; đường vào hòn đá ông Nhạc 0,9km; đường vào khu sinh thái Đồi thông Hà Tân 1,1km	2021-2022	40.000	40.000	40.000	40.000	20.000	20.000	Thu hồi các khoản vay XDCB trước	Thu hồi các khoản vay XDCB trước
1.5	Quy hoạch				5.000	5.000	-	-	5.000	5.000	-	-
(1)	Các dự án khởi công mới				5.000	5.000	-	-	5.000	5.000	-	-
1	Lập quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lộ Thanh, tỉnh Gia Lai đến năm 2045	Đức Cơ	2021	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	Giao Sở VH TT và DL lập báo cáo đề xuất CTFT	
2	Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Pleiku	Pleiku	2021-2022	2.000	2.000	2.000	2.000	1.000	1.000	Sở Xây dựng		
II	Hoạt động cua cát cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập				10.500	10.500	-	-	10.500	10.500	-	-
(1)	Các dự án khởi công mới				10.500	10.500	-	-	10.500	10.500	-	-
1	Đầu tư xây dựng Trạm kiểm tra quản lý bảo vệ rừng (3 trạm QL BV/BV) của BQL RPH là Tỉnh, 1 trạm QL BV/BV của BQL RPH Nam Phìn Nhon, 1 trạm kiểm lâm địa bàn huyện Khang)	Gia Lai	Trạm KDDV Song An, Các trạm quản lý bảo vệ rừng (3 trạm QL BV/BV) của BQL RPH là Tỉnh, 1 trạm QL BV/BV của BQL RPH Nam Phìn Nhon, 1 trạm kiểm lâm địa	2021	6.500	6.500	6.500	6.500	6.500	6.500	Giao Sở NNPTNT lập báo cáo đề xuất CTFT	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế dự kiến KCC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2020	Lũy kế vốn đã bố trí vốn đến hết KH năm 2020	Dự kiến KH đầu tư trong hạn giao đoàn 2021- 2025	Kế hoạch năm 2021		Đơn vị thực hiện	Ghi chú		
				TMĐT dự kiến					Trong đó: NSDP					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thu hồi các khoản vốn ứng trước							
2	Hạt kiểm lâm huyện Đak Doe	Đak Doe	Nhà làm việc cấp III 2 tầng DTS 460m2; nhà công vụ cấp IV 1 tầng DTS 280 m2; các hang mục phụ	2021	4.000	4.000	4.000	4.000	650.000	650.000				
B.2	Tiến sỹ dụng đất huyện, thị xã, thành phố								7.000	7.000				
C	XÓ SƠ KIẾN THIẾT													
	Chuẩn bị đấu trai													
	Thực hiện đợt thi													
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp													
(1)	Các dự án khởi công mới													
1	Trường THPT Phan Bội Châu, TP. Pleiku	Pleiku	Nhà học lý thuyết, thực hành + hành chính, nhà đa năng và các hang mục phụ	2021	14.000	14.000	14.000	14.000	42.000	42.000	Giao Sở Giáo dục và Đào tạo lập báo cáo để xuất CTĐT			
2	Trường THPT Lý Thường Kiệt, thị xã Ayun Pa	Ayun pa	Nhà học bộ môn, trang thiết bị và các hang mục phụ	2021	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	Giao Sở Giáo dục và Đào tạo lập báo cáo để xuất CTĐT			
3	Đầu tư hệ thống giáo dục thông minh	Gia Lai	Xây dựng trường học thông minh; Xây dựng hệ thống E-learning (học trực tuyến)	2021	18.000	18.000	18.000	18.000	58.000	58.000	Giao Sở Giáo dục và Đào tạo lập báo cáo để xuất CTĐT			
II	Y tế, dân số và giàn định													
(1)	Các dự án khởi công mới													
1	Trung tâm y tế thị xã An Khê	An Khê	Công trình cấp III 02 tầng DTXD 500m2, DTS 1000m2 gồm 12 phòng bệnh và các hang mục phụ; đầu tư trang bị thiết bị y tế, máy móc	2021	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	Giao Sở Y tế lập báo cáo để xuất CTĐT			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế dự kiến	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2020 đến hết KH năm 2020	Lũy kế vốn đã bố trí vốn đến hết KH năm 2020	Du kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021- 2025	Kế hoạch năm 2021	
				TMĐT dự kiến						
				Thời gian KCC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)
Đầu tư trang thiết bị y tế các bệnh viện tuyến tỉnh và tuyến huyện	Gia Lai	Đầu tư trang thiết bị y tế các bệnh viện, trung tâm y tế	2021	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000
III	Các hoạt động kinh tế			-	-	-	-	-	45.000	45.000
III.I	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi			-	-	-	-	-	45.000	45.000
(I)	Các dự án khởi công mới			-	-	-	-	-	45.000	45.000
I	Vốn đối ứng CTM/TQG nông thôn mới								45.000	45.000
D	Bộ chi ngân sách địa phương								50.100	50.100

Ghi chú: Tổng mức đầu tư và năng lực thiết kế đối với các dự án là dự án là dự kiến, trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt, chủ trương đầu tư dự án điều chỉnh cho phù hợp với cầu thực tế.

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021 NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)**

Biểu mẫu II

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục đầu tư	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2020	Lũy kế vốn đã bố trí vẫn đến hết KH năm 2020	Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2021		Đơn vị thực hiện	Ghi chú												
		TMDT dự kiến					Trong đó: NSTW															
		Địa điểm XD	Năng lực thiết kế dự kiến	Thời gian	Số quyết định ngày tháng năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
TỔNG SỐ				4.372.872	3.871.913	438.942	401.942	1.129.462	1.075.717	2.972.545	2.645.545	35.826	-	864.591	864.591	35.826	-					
I	Quốc phòng			80.000	80.000	15.000	15.000	56.000	56.000	16.000	16.000	-	-	16.000	16.000	-	-					
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2021			80.000	80.000	15.000	15.000	56.000	56.000	16.000	16.000	-	-	16.000	16.000	-	-					
	Dự án nhóm B					80.000	80.000	15.000	15.000	56.000	56.000	16.000	-	-	16.000	16.000	-	-				
I	Đường vào đảo biển la Grai	Đường cấp VI miền núi L=19,8km, công trình thoát nước	2016-2020	294/A/QĐ-LBND ngày 31/3/2016	80.000	80.000	15.000	15.000	56.000	56.000	16.000	16.000	-	-	16.000	16.000	16.000	16.000	BCH bộ đội biên phòng			
II	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi				550.000	500.000	55.900	55.900	124.940	124.940	382.060	355.060	35.826	-	162.060	162.060	35.826	-				
(1)	Các dự án hoàn thành, bao gồm, dựm vào sử dụng đến ngày 31/12/2020				90.000	67.000	15.854	15.854	31.174	31.174	35.826	35.826	-	-	35.826	35.826	35.826	-				
	Dự án nhóm B				90.000	67.000	15.854	15.854	31.174	31.174	35.826	35.826	-	-	35.826	35.826	35.826	-				
1	Hệ thống cấp nước sinh hoạt huyện la Pa đầm nước từ hồ chứa Ayun Ha và thị trấn la Pa	Phú Thiện, la Pa	Công suất 4000 m <sup>3</sup> /ngày đêm	2016-2017	1009/QĐ-LBND ngày 31/1/2016	90.000	67.000	15.854	15.854	31.174	31.174	35.826	35.826	35.826	35.826	35.826	35.826	BQL DA BTXD các CT DD&CN	Thu hồi vốn ứng			
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2021					200.000	200.000	40.046	40.046	93.766	93.766	86.234	86.234	-	-	86.234	86.234	-	-			
	Dự án nhóm B					200.000	200.000	40.046	40.046	93.766	93.766	86.234	86.234	-	-	86.234	86.234	-	-			
1	Thủy lợi hồ chứa nước la Rù	Ayun Pa	Đập dâng, tràn xả lũ, cống lấy nước dưới đập, hệ thống kênh, hệ thống đường ống cấp nước thô	2017-2020	960/QĐ-LBND ngày 27/10/2017	200.000	200.000	40.046	40.046	93.766	93.766	86.234	86.234	86.234	86.234	86.234	86.234	BQL DA BTXD các CT NN&PTNT				
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2021					260.000	233.000	-	-	-	-	260.000	233.000	-	-	40.000	40.000	-	-			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2020	Lũy kế vốn đã bố trí vẫn đến hết KH năm 2020	Dự kiến KH đầu tư trong hạn giao doanh 2021-2025	Kế hoạch năm 2021	Đơn vị thực hiện	Ghi chú				
			TMDT dự kiến				Trong đó: NSTW		Trong đó: NSTW					
			Thời gian Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: NSTW (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NSTW (tất cả các nguồn vốn)					
<b>Dự án nhóm B</b>														
1	Các Dự án Bảo vệ và phát triển rừng	Gia Lai	Hỗ trợ trồng rừng sản xuất 11.000ha, trồng rừng phòng hộ 700ha, các công trình bảo vệ rừng và hỗ trợ trồng cây phân tán	2021-2025	160.000	133.000	160.000	133.000	10.000	10.000				
2	Hỗn chia nước la Phat, xã La Khuel, huyện Chư Pah	Chư Pah	Hỗ trợ chia dung tích 1,74 triều m3 tuổi 120ha lúa và 200ha mía	2021-2024	100.000	100.000	100.000	100.000	30.000	30.000				
<b>III Giao thông</b>														
(1) Nhiệm vụ chuẩn bị đấu thầu					3.597.872	3.196.913	353.042	316.042	879.133	825.388				
					1.200.000	980.000	-	-	-	2.258.374				
(2) Đầu tư	Đường hành lang kinh tế Phía Đông (dương trạch Quốc lộ 19)	Pleiku, Dak Đoa, Chư Pah	Đường cấp II trung du theo TCVN 4054-2005 L=16km mới, đường BT nhứa	2022-2025	1.200.000	900.000	1.200.000	900.000	3.000	3.000				
					1.200.000	900.000	1.200.000	900.000	3.000	3.000				
<b>Dự án nhóm B</b>														
(1) Cấp dữ án đợt kiến hoàn thành năm 2021					1.216.872	1.139.513	311.042	274.042	837.133	783.388				
					1.216.872	1.139.513	311.042	274.042	837.133	783.388				
(2) Cấp dữ án đợt kiến hoàn thành năm 2021					1.216.872	1.139.513	311.042	274.042	837.133	783.388				
					1.216.872	1.139.513	311.042	274.042	837.133	783.388				
1	Đường liên huyện từ xã Thành An (An Khê) đến xã Kon Bla và Dak Hor (KBang)	An Khê, Kon Bla	L=14,2 Km; BTXM toàn tuyến; bê tông thoát nước	2016-2020	980.000	80.000	7.650	7.650	72.000	71.650				
					980.000	80.000	7.650	7.650	72.000	71.650				
2	Đường liên xã huyện Krông Pa	Krông Pa	L=19,12km, đường miền núi cao IV (N1: Đường vào xã Ea Rsei L=7,56 km, N2: Đường vào xã Đăk Biảng L=11,46 km)	2016-2020	1075/QĐ-UBND ngày 01/12/2017-228/QĐ-UBND ngày 10/3/2016	124.302	93.291	32.000	15.000	96.722				
					93.291	32.000	15.000	15.140	15.140					
<b>Kết luận</b>														
KH đầu tư công trung hạn GDP 2016-2020 là 83.967 tỷ đồng, đã bù trích 71,65 tỷ đồng														
UBND huyện Krông Pa														

✓

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XDC	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2020	Lũy kế vốn đã bố trí vốn đến hết KH năm 2020	Đề xuất KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2021	Đơn vị thực hiện	Ghi chú						
			TMĐT du lịch													
			Thu gian	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành												
3	Đường tỉnh 666 (Km0+00 - Km6+550), huyện Mang Yang, huyện Ea Pô, tỉnh Gia Lai	In Pa - Mang Yang	L=60 Km đường cấp IV miền núi	2016-2021	990/QĐ - UBND ngày 01/10/2015; 543/QĐ-UBND ngày 10/6/2020	231.000	231.000	78.257	78.257	Tổng số (tài sản) các nguồn vốn)						
4	Đường nội thị, thị xã Ayun Pa	Ayun Pa	Đầu tư xây dựng 6 tuyến đường với tổng chiều dài L=7.245,78m	2016-2020	1075/QĐ-UBND ngày 01/12/2017 988/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	110.000	87.778	30.200	10.200	Tổng số (tài sản) các nguồn vốn)						
5	Đường nội thị Thị xã An Khê	An Khê	6.42km, đầu tư hoàn chỉnh nền mặt đường bê tông nhựa, cống thoát nước, vỉa hè	2016-2020	987/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	80.000	80.000	15.000	60.350	Tổng số (tài sản) các nguồn vốn)						
6	Đường nối QL 25 đến tỉnh lộ 666 (Đoạn từ Trụ sở UBND xã Chư A Thai đến (nhị lô 666)	Phú Thiện	L= 17,5km; đường cấp IV miền núi; hệ thống thoát nước (cầu, cống)	2016-2020	991/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	80.000	80.000	22.935	22.935	Tổng số (tài sản) các nguồn vốn)						
7	Đường nội thị TP Pleiku	Pleiku	L=8.3613km; via hè, hè thông thoát nước	2016-2020	1075/QĐ-UBND ngày 01/12/2017; 983/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 1010/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	162.787	151.444	30.000	105.990	Tổng số (tài sản) các nguồn vốn)						
8	Đường liên xã Ea Blang - Ea Prông	Chư Prông	Đường giao thông cấp A dài 22.799km; công trình thoát nước và các hạng mục phụ	2017-2021	1013/QĐ-UBND, 28/10/2016	80.000	80.000	15.000	35.252	Tổng số (tài sản) các nguồn vốn)						

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2020	Lưu kế vốn đã bố trí vẫn đến hết KH năm 2020	Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2021	
		TMBT dự kiến					Trong đó: NSTW	
		Địa điểm XD	Năng lực thiết kế dự kiến	Thời gian	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Trong đó: NSTW
9	Đường liên xã là Krel-la Kìa huyện Đức Cơ	Đức Cơ	Đường cấp IV, dài 850m, hệ thống thoát nước và các hạng mục phụ	2017-2021	80.000	80.000	15.000	15.000
10	Đường liên xã huyện Chu Phù	Chu Phù	5 tuyến với tổng chiều dài L=1.069m, di qua các xã Song An, Cửu An, Xuân An, Tú An - thị xã An Khê	2018-2022	976/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	80.000	80.000	15.000
(3)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021					460.000	460.000	42.000
	<b>Dự án nhóm B</b>					460.000	460.000	42.000
1	Tuyến giao thông biển giới cấp bách trên địa bàn huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai	Đức Cơ	L=21,5Km đường cấp V miển núi	2020-2022	214/QĐ-HĐND ngày 08/5/2020	140.000	140.000	14.000
2	Đường liên huyện Chư Sê - Chư Pah - Chư Prông	Chư Sê, Chư Pah, Chư Prông	L=33Km đường cấp IV miền núi	2020-2022	216/QĐ-HĐND ngày 08/5/2020	320.000	320.000	28.000
(4)	Các dự án khởi công mới năm 2021					721.000	697.400	-
	<b>Dự án nhóm B</b>					721.000	697.400	-
1	Đường Hồ Chí Minh dài (đoạn nối từ đường Truong Chinh đến đường Nguyễn Chí Thanh), thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Pleiku	Chiều dài tuyến L=6,618Km	2019-2021	1031/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	146.000	131.400	131.400

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế dự kiến	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2020	Lũy kế vốn đã bố trí vốn đến hết KH năm 2020	Dự kiến KH đầu tư trong hạn giao đoạn 2021- 2025	Kế hoạch năm 2021			
				TMĐT dự kiến					Trong đó: NSTW			
				Thời gian KCH-TT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Thứ tự	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
2	Cầu qua sông Ayun vào xã La Yeng (từ quốc lộ 25 đi xã La Yeng)	Phú Thiện	Tổng chiều dài tuyến khoảng 3,2 Km trong đó cầu qua sông Ayun dài 200m, bê tông cầu 8m	2019-2021	1032/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	90.000	81.000	81.000	81.000	35.000	35.000	BQL DA BTXD các CT giao thông
3	Dương Nguyễn Chí Thành (đoạn từ Trung Chính đến đường Lê Duẩn)	Pleiku	Tổng chiều dài tuyến khoảng 6,17km	2021-2023		185.000	185.000	185.000	185.000	60.000	60.000	Giao Sở Xây dựng lập BQLXCT đầu tư
4	Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh 663	Chư Prông	Công trình cấp III, tổng chiều dài tuyến khoảng 28Km	2021-2023		150.000	150.000	150.000	150.000	35.000	35.000	Giao Sở GTVT lập BQLXCT đầu tư
5	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 664	Pleiku, la Grai	Công trình giao thông cấp III, chiều dài tuyến khoảng 17,8Km	2021-2023		150.000	150.000	150.000	150.000	40.000	40.000	Giao Sở GTVT lập BQLXCT đầu tư
IV	Khu công nghiệp, khu kinh tế					95.000	95.000	15.000	69.389	69.389	16.111	- - 16.111 16.111 - - 16.111 16.111 - - 16.111 16.111 - - 16.111
(1)	Các dự án đợt kiến hoản thành năm 2021					95.000	95.000	15.000	69.389	69.389	16.111	16.111 - - 16.111 16.111 - - 16.111 16.111 - - 16.111 16.111 - - 16.111
	Dự án nhóm B					95.000	95.000	15.000	69.389	69.389	16.111	16.111 - - 16.111 16.111 - - 16.111 16.111 - - 16.111 16.111 - - 16.111
1	Hà tầng KKT cửa khẩu Lè Thanh	Đức Cơ	Đường giao thông và các hạng mục khác	2016-2020	997/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	95.000	95.000	15.000	69.389	69.389	16.111	16.111 16.111 - - 16.111 16.111 - - 16.111 16.111 - - 16.111 16.111 - - 16.111

Ghi chú: Tổng mức đầu tư và năng lực thiết kế đối với các dự án là dự án là dự kiến, trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư dự án điều chỉnh cho phù hợp yêu cầu thực tiễn



### KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG TƯỞNG NĂM 2021 CỦA CÁC ĐỊA KÝ SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI



## Biểu mẫu IV

## DANH MỤC DỰ ÁN BỐ TRÍ VỐN QUÁ THỜI GIAN QUY ĐỊNH

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XDC	Năng lực thiết kế	Thời gian KCC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2020	Lũy kế vốn đã bố trí vốn đến hết KH năm 2020	Đề xuất Kế hoạch KHD đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2021
								TMĐT					
								Trong đó:	Trong đó:	Trong đó:	Trong đó:	Trong đó:	Lý do
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	17	18	19	20
Tổng số				1.483.089	1.418.513	331.088	294.088	1.010.288	956.543	315.319	315.319	-	-
I	Quốc phòng							80.000	80.000	15.000	15.000	16.000	16.000
II	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi							200.000	200.000	40.046	40.046	93.766	93.766
I	Thủy lợi hồ chứa nước ta Río	Ayun Pa	Đập đêng, tràn xả lũ, công lấp nước dưới đê, hệ thống kênh, hệ thống đường ống cấp nước thô	2017-2020	960/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	200.000	200.000	40.046	40.046	93.766	93.766	86.234	86.234
III	Giao thông							1.108.089	1.043.513	261.042	224.042	791.133	737.388
I	Đường liên huyện từ xã Thành An (An Khiê) đến xã Kon Bla và Đák Hlu (K'Bang)	An Khê, K'Bang	L=14,26 Km; BTXM toàn tuyến; hệ thống thoát nước	2016 - 2020	986/QĐ - UBND ngày 30/10/2015	80.000	80.000	7.650	7.650	72.000	71.650	350	350
2	Đường liên xã huyện Krông Pa	Krông Pa	L=19,12km, đường miền núi cấp IV (N1: Đường vào xã la Rsa L=7,66 km; N2: Đường vào xã Đák Bàng L=11,46 km)	2016-2020	1075/QĐ-UBND ngày 1/1/2017-228/QĐ-UBND ngày 10/3/2016	124.302	93.291	32.000	15.000	96.722	68.822	15.140	15.140

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2020	Lũy kế vốn đã bố trí vốn đến hết KH năm 2020	Đề kiện KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2021				
			TMĐT									
			Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT								
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Trong đó: NSTW				
3	Dорога tỉnh 666 (Km0+00 - Km6+550), huyện Mang Yang, huyện Ea Pa, tỉnh Gia Lai	Ea Pa, Mang Yang	L=60 Km đường cấp IV miền núi	2016-2021	990/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 543/QĐ-UBND ngày 10/6/2020	231.000	231.000	Thứ hồi vốn trước				
4	Đường nội thị Thị xã Ayun Pa	Ayun Pa	Đầu tư xây dựng 6 tuyến đường với tổng chiều dài L=7.245,78m	2016-2020	1075/QĐ-UBND ngày 01/12/2017 988/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	110.000	87.778	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				
5	Đường nội thị Thị xã An khê	An Khê	6,42km, đầu tư hoàn chỉnh nền mặt đường bê tông nhựa, công thoát nước, vỉa hè.	2016-2020	987/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	80.000	80.000	Thanh toán nợ XDCB				
6	Dорога nối QL 25 đến tỉnh lộ 666 (Đoạn từ Trụ sở UBND xã Chư A Thai đến tỉnh lộ 666)	Phú Thiện	L= 17,5km; đường cấp IV miền núi, hệ thống thoát nước (cống, cống) L=8,3613km; vỉa hè; hè	2016-2020	991/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	80.000	22.935	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				
7	Đường nội thị TP Pleiku	Pleiku	1075/QĐ-UBND ngày 01/12/2017; 983/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 1010/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	162.787	151.444	30.000	30.000	Thứ hồi vốn trước				
8	Đường liên xã Ea La Kret-Ea Kla huyện Đức Cơ	Đức Cơ	Đường cấp IV, L=10km, hệ thống thoát nước và các hạng mục phụ	2017-2021	850/QĐ-UBND ngày 15/9/2017	80.000	80.000	Kế hoạch vốn NSTW năm 2020 không bố trí dù vốn dự án				
9	Dорога liên xã Ea Bàng - Ea Próng	Ea Bàng - Ea Próng	Đường giao thông cấp A dài 22,799km; công trình thoát nước và các hạng mục phụ	2017-2021	1013/QĐ-UBND, ngày 28/02/2016	80.000	80.000	Theo Luật Đầu tư công, thời gian thực hiện dự án là 5 năm				

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thuế kế	Thời gian KC-HHT	Số quyết định ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Lý do	
10	Buồng liên xã huyện Chu Phù	Chu Phù	5 trục với tổng chiều dài L=24,17km, bệ thông thoát nước và các hạng mục phụ	2018-2022	976/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	80.000	80.000	15.000	15.000	35.257	34.000	38.000	38.000	-	-	38.000	38.000	Theo Luật Đầu tư công 2014 thời gian thực hiện dự án là 5 năm	
IV	Khu công nghiệp- khu kinh tế					95.000	95.000	15.000	15.000	69.389	69.389	16.111	16.111	-	-	16.111	16.111	- -	
1	Hỗn thương KKT cùm khâu Lê Thành	Đèicc Cc	Buồng giao thông và các hạng mục khác	2016-2020	997/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	95.000	95.000	15.000	15.000	69.389	69.389	16.111	16.111	-	-	16.111	16.111	kế hoạch vốn NSTW năm 2020 không bố trí đủ vốn dự án	

Thmo

Phụ lục 1

CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021  
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU LÀM NGHIỆP BỀN VỮNG

*Đơn vị: Triệu đồng*

TT	Danh mục dự án	QĐ điều chỉnh, bổ sung			Lũy kế vốn bố trí đến năm 2020			Kế hoạch vốn NSDP năm 2021	Chủ đầu tư
		Tổng số	NSTW	NSDP	Tổng số	NSTW	NSDP		
I	Các dự án BVPTTR								
1	Dự án BV và PTR giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020 của BQLRPH Hà Ra (Mang Yang).	640/QĐ-UBND ngày 3/10/2011; 1067/QĐ -UBND ngày 29/11/2017	105.042	43.544	30.459	61.483	29.201	13.422	5.667
2	Dự án BV và PTR giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020 của Ban QLRPH Mang Yang,	1366/QĐ-UBND ngày 20/10/2011; 1068/QĐ-UBND ngày 29/11/2017	21.999	15.307	4.970	16.337	11.713	1.958	1.354
3	Dự án BV và PTR giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020 của BQLRPH Đông Bắc Chu Păh	QĐ 133/QĐ-KHĐT ngày 21/9/2011; 1072/QĐ-UBND ngày 29/11/2017	22.703	3.443	4.325	13.364	1.729	897	298
4	Dự án BV và PTR giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020 của BQLRPH Ia Puch	183f/QĐ-KHĐT ngày 24/10/2011; 109/QĐ-SKHĐT ngày 20/10/2017	9.286	4.455	4.831	4.140	2.049	1.647	810

—/km

TT	Danh mục dự án	QĐ điều chỉnh, bổ sung			Lũy kế vốn bố trí đến năm 2020			Kế hoạch vốn NSDP năm 2021	Chủ đầu tư
		Số QĐ điều chỉnh	Tổng số	NSTW	NSDP	Tổng số	NSTW	NSDP	
5	Dự án BV và PTR giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020 của Ban QLRPH Nam Sông Ba	853/QĐ-UBND ngày 13/12/2017 và 83/QĐ-SKHĐT	12.782	6.926,4	2.793	-	2.793	1.585	Ban QLRPH Nam Sông Ba

Yma

Phụ lục 2

KẾ HOẠCH VỐN TRONG CÂN ĐÓI THEO TIÊU CHÍ  
HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ ĐẦU TƯ NĂM 2021

*ĐVT: triệu đồng*

STT	Đơn vị	Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.140.000</b>	<b>428.000</b>	
1	Thành phố Pleiku	271.840	54.368	
2	Thị xã An Khê	115.370	23.074	
3	Thị xã Ayun Pa	115.385	23.077	
4	Huyện K'Bang	116.130	23.226	
5	Huyện Đak Đoa	125.585	25.117	
6	Huyện Chu Păh	115.695	23.139	
7	Huyện Ia Grai	123.815	24.763	
8	Huyện Mang Yang	110.440	22.088	
9	Huyện Kong Chro	127.250	25.450	
10	Huyện Đức Cơ	106.770	21.354	
11	Huyện Chư Prông	141.845	28.369	
12	Huyện Chu Sê	152.915	30.583	
13	Huyện Đăk Pơ	81.185	16.237	
14	Huyện Ia Pa	107.980	21.596	
15	Huyện Krông Pa	132.055	26.411	
16	Huyện Phú Thiện	98.475	19.695	
17	Huyện Chu Puh	97.265	19.453	

Thao

**Phụ lục 3**  
**TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT KẾ HOẠCH NĂM 2021**

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Tổng cộng	Chi bồi thường, hỗ trợ tái định cư và các chi phí khác	Tiền sử dụng đất sau khi trừ chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư	Chi công tác đeo dạc, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính	Tiền sử dụng đất còn lại cho đầu tư	Vốn điều tiết về các huyện, thị xã, thành phố	Tổng vốn dành cho đầu tư sau khi điều tiết	Đơn vị tính: Triệu đồng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)	(6)=(5)x10%	(7)=(5)-(6)	(8)=(7)x10%	(9)	(11)
<b>I</b>	<b>Thu tiền sử dụng đất của huyện, thị xã, thành phố</b>	<b>650.000</b>							
<b>II</b>	<b>Thu tiền sử dụng đất của tỉnh</b>	<b>550.000</b>		<b>550.000</b>	<b>55.000</b>	<b>495.000</b>	<b>49.500</b>	<b>445.500</b>	

Ghi chú: Tiền do đặc, đang ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của tỉnh, huyện, thị xã, thành phố nộp về tinh để đầu tư cho Dự án tổng thể xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu địa chính tỉnh Gia Lai.

Dự kiến không trích nộp 30% quỹ phát triển đất mà để lại cho đầu tư.

Kinh phí điều tiết về các huyện, thị xã, thành phố cần cứ vào tình hình thực tế khi có phát sinh số thu tiền sử dụng đất của tinh.

Thao